

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2018/HS-ST

Ngày: 31/10/2018

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Thị Minh Tuyết và ông Lê Nghĩa.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thành Hưng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Kim Loan - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 và 31 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 61/2018/HSST ngày 18 tháng 9 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2018/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 10 năm 2018 đối với bị cáo:

Trần Thị Mỹ D, sinh năm 1988 tại Phú Yên; Nơi cư trú: Khu phố N, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Hoàng N, sinh năm 1961 và bà Phan Thị L, sinh năm 1961; Có chồng: Lê Văn Đ, sinh năm 1986; Có 01 con 05 tuổi; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Công ty Tài chính TNHH MTV NH VT; Trụ sở: Tòa nhà R, Quận B, TP. Hồ Chí Minh. Đại diện theo pháp luật: Ông Lô Bằng G – Chủ tịch Hội đồng thành viên. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Giáp Hoàng K, sinh năm 1988; Trú tại: đường M, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Có đơn xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Công ty TNHH Thương Mại D, trụ sở chính: đường T, Phường B, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Đại diện theo ủy quyền: Huỳnh Đăng H – Cửa hàng

trưởng cửa hàng xe máy D; Địa chỉ: đường T, Phường B, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có đơn xét xử vắng mặt.

- Nguyễn Thị Ngọc N, sinh năm 1987; Trú tại: Khu phố N, Phường C, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có đơn xét xử vắng mặt.

- Nguyễn Thị Phương Th, sinh năm 1995; Trú tại: Thôn T, xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên. Có đơn xét xử vắng mặt.

- Trương Minh T, sinh năm 1983; ĐKTT: Thôn X, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên. Có mặt tại phiên tòa.

- Lê Ngọc Ph, sinh năm 1964; ĐKTT: Khu phố M, thị trấn P, huyện T, tỉnh Phú Yên. Có mặt tại phiên tòa.

- Võ Văn M, sinh năm 1977; ĐKTT: Khu phố P, thị trấn P, huyện T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt tại phiên tòa.

Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng:

- Lê Thị Đ, sinh năm 1960; Trú tại: Khu phố N, Phường C, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt tại phiên tòa.

- Nguyễn Thị Yến L, sinh năm 1965; Trú tại: Khu phố N, Phường C, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 09 giờ ngày 03/8/2017, Trần Thị Mỹ D đến quán cà phê vỉa hè đối diện nhà hàng Yasaka Hương Sen gặp Trương Thị G, sinh năm 1971, trú tại thôn L, xã H, huyện Đ và 03 người phụ nữ (không rõ họ tên, địa chỉ). Tại đây, G nhờ D đi mua xe mô tô dùm và nói D đi chụp hình thẻ đưa G cắt dán vào CMND mang tên Nguyễn Thị Ngọc N, sinh năm 1987, trú tại khu phố N, Phường C, thành phố T để làm thủ tục mua xe trả góp và D đồng ý.

Khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, G đưa CMND của Nguyễn Thị Ngọc N đã được thay ảnh của D cùng sổ hộ khẩu của gia đình N và 4.000.000 đồng để D đến cửa hàng xe máy D mua xe mô tô hiệu Honda B giá 21.225.000 đồng bằng hình thức trả góp. D đưa trước 3.225.000 đồng, số tiền còn lại là 18.000.000 đồng D vay của Công ty tài chính TNHH MTV NH VT. Sau khi làm thủ tục mua xe xong, D đem xe về lại quán cà phê giao cho G, G trả tiền công cho D 200.000 đồng cùng với số tiền thừa còn lại khi đi mua xe là 695.000 đồng.

Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, G gọi điện thoại cho Trương Minh T (cháu ruột của G) để bán xe mô tô trên. T đến quán cà phê đối diện nhà hàng Yasaka Hương Sen gặp G, Phan Nguyễn Hoàng V và một người phụ nữ (không rõ họ tên, địa chỉ). G và T thỏa thuận mua bán xe mô tô trên với giá 17.200.000 đồng. Sau đó, V viết giấy bán xe cho T ghi tên là Nguyễn Thị Ngọc N rồi T lấy

xe chạy về nhà. Ngày 08/8/2017, T đem xe mô tô trên bán cho Lê Ngọc Ph với giá 17.800.000 đồng. Đến ngày 23/9/2017, Ph bán xe mô tô trên cho Võ Văn M được 18.500.000 đồng.

Về vật chứng của vụ án:

- 01 CMND số 221181778 mang tên Nguyễn Thị Ngọc N, sinh năm 1987, trú tại: Khu phố N, Phường C, thành phố T (đã trả lại cho chủ sở hữu)
- Tạm giữ chờ xử lý 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda B, màu đỏ đen, biển số 78F1-nnn.nn, số khung 3659GY0nnnnn, số máy: TA36E0nnnnnn.
- Tạm giữ số tiền 4.895.000 đồng của bị cáo Trần Thị Mỹ D đã giao nộp.

Về trách nhiệm dân sự: Công ty tài chính TNHH MTV NH VT yêu cầu hoàn trả số tiền 18.000.000 đồng và bồi thường số tiền lãi là 1.705.588 đồng. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Ngọc Ph đã trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Văn M số tiền ông M mua xe của ông P; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trương Minh T và ông P đã thỏa thuận được về việc ông T sẽ trả cho ông P số tiền ông P mua xe từ T nên P và M không có yêu cầu gì về dân sự; Ông Trương Minh T yêu cầu được công nhận quyền sở hữu tài sản đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda B, màu đỏ đen, biển số 78F1-nnn.nn, số khung 3659GY0nnnnn, số máy: TA36E0nnnnnn.

Tại bản cáo trạng số 55/CT-VKS ngày 17/9/2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên đã truy tố bị cáo Trần Thị Mỹ D về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo Trần Thị Mỹ D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố và mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đề nghị được bồi thường cho công ty tài chính TNHH MTV NH VT số tiền gốc 18.000.000 đồng và số tiền lãi là 1.705.588 đồng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử công nhận quyền sở hữu tài sản đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda B, màu đỏ đen, biển số 78F1-nnn.nn, số khung 3659GY0nnnnn, số máy: TA36E0nnnnnn cho ông Trương Minh T vì ông T đã hoàn trả cho ông Lê Ngọc Ph số tiền mua xe 17.800.000 đồng.

- Tại văn bản đề nghị xét xử vắng mặt, đại diện theo ủy quyền của người bị hại trình bày: Công ty tài chính TNHH MTV NH VT yêu cầu hoàn trả số tiền số tiền gốc 18.000.000 đồng và số tiền lãi là 1.705.588 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Ông Trương Minh T cung cấp giấy giao nhận tiền của ông Lê Ngọc Ph đã nhận đủ 17.800.000 đồng và trình bày: Khi mua xe thì không biết tài sản do phạm tội mà có, hiện nay đã trả lại số tiền bán xe cho ông Lê Ngọc Ph là

17.800.000 đồng. Ông đề nghị được công nhận quyền sở hữu tài sản đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda B, màu đỏ đen, biển số 78F1-nnn.nn. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa giữ nguyên nội dung cáo trạng đã truy tố đối với Trần Thị Mỹ D và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 139; điểm b, h, p khoản 1 Điều 46 và Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999 đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo D từ 12 tháng đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của bị cáo Trần Thị Mỹ D phải trả cho Công ty tài chính TNHH MTV NH VT số tiền 18.000.000 đồng và số tiền lãi là 1.705.588 đồng. Bị cáo đã nộp khắc phục số tiền 4.000.000 đồng nên còn phải tiếp tục trả số tiền 15.705.588 đồng. Về vật chứng vụ án: Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền thu lợi bất chính 895.000 đồng. Tạm giữ số tiền 4.000.000 đồng do Trần Thị Mỹ D nộp để đảm bảo thi hành án (biên lai thu tiền số 0001982 ngày 18/9/2018 của Chi cục THADS TP Tuy Hòa). Giao 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda B, màu đỏ đen, biển số 78F1-nnn.nn, số khung 3659GY0nnnnn, số máy: TA36E0nnnnnn và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 023704 cho ông Trương Minh T được quyền sở hữu. Ông T có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục mang tên chủ sở hữu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Tuy Hòa, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng về thời gian, địa điểm, nguyên nhân, động cơ và mục đích phạm tội, phù hợp với vật chứng thu giữ được. Đủ cơ sở để kết luận: Ngày 03/8/2017, Trần Thị Mỹ D đưa hình thẻ của mình cho Trương Thị G cắt dán vào CMND của Nguyễn Thị Ngọc N rồi dùng CMND trên và sổ hộ khẩu của gia đình N đến cửa hàng xe máy D phường B, thành phố T vay của Công ty tài chính TNHH MTV NH VT số tiền 18.000.000 đồng để mua xe máy hiệu Honda B với giá 21.225.000 đồng. Sau khi mua được xe, Trương Thị G đem bán cho người khác lấy tiền và không trả nợ tiền vay cho Công ty tài chính TNHH MTV NH VT. Do đó, bản cáo trạng

của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Tuy Hòa truy tố bị cáo về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác. Bị cáo là người có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, biết rõ việc làm của mình là vi phạm pháp luật, bị xã hội lên án nhưng vẫn cố ý thực hiện tội phạm nên cần xử lý tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, đảm bảo tác dụng trừng trị, giáo dục riêng; nhằm hướng đến giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm. Tuy nhiên cũng cần xem xét đến việc phạm tội của bị cáo cũng một phần là do người khác rủ rê lôi kéo, bị cáo phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức trong vụ án.

[4] Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải hành vi phạm tội của mình, tích cực khắc phục một phần thiệt hại cho người bị hại. Xét thấy, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, h, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; có nhân thân tốt, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, việc không bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù giam không gây nguy hiểm cho xã hội và không ảnh hưởng xấu đến công tác đấu tranh phòng chống tội phạm, phù hợp với các quy định tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Vì vậy, không cần cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội, cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà an tâm tự rèn luyện, cải tạo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

[6.1] Xét thấy sự tự nguyện bồi thường của bị cáo Trần Thị Mỹ D bồi thường cho Công ty tài chính TNHH MTV NH VT số tiền gốc 18.000.000 đồng và số tiền lãi là 1.705.588 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này. Bị cáo đã nộp khắc phục hậu quả số tiền 4.000.000 đồng nên còn phải tiếp tục trả số tiền 15.705.588 đồng. Bị cáo phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định của pháp luật.

[6.2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Ngọc Ph đã trả lại cho ông Võ Văn M số tiền 13.000.000 đồng, ông P và ông M không có yêu cầu gì đối với khoản tiền này nên Hội đồng xét xử không xem xét. ông Lê Ngọc Ph đã nhận của ông Trương Minh T khoản tiền 17.800.000 đồng và đề nghị Hội đồng xét xử công nhận quyền sở hữu chiếc xe này cho ông Trương Minh T là phù

hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với đề nghị của bị cáo nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này.

[7] Vật chứng vụ án:

[7.1] Giao 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda B, màu đỏ đen, biển số 78F1-nnn.nn, số khung 3659GY0nnnnn, số máy: TA36E0nnnnnn và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 023704 cho ông Trương Minh T. Ông T có trách nhiệm liên hệ với Cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục mang tên chủ sở hữu.

[7.2] Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền thu lợi bất chính 895.000 đồng. Tạm giữ số tiền 4.000.000 đồng do bị cáo Trần Thị Mỹ D nộp để đảm bảo thi hành án (biên lai thu tiền số 0001982 ngày 18/9/2018 của Chi cục THADS thành phố Tuy Hòa).

[8] Đối với Trương Thị G, Phan Nguyễn Hoàng V và những người khác có liên quan, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Tuy Hòa sẽ tiếp tục điều tra, làm rõ xử lý sau là có căn cứ đúng quy định pháp luật.

[9] Đối với Trương Minh T, Lê Ngọc Ph và Võ Văn M có hành vi mua xe mô tô nói trên nhưng không biết đó là tài sản do phạm tội mà có nên hành vi của T, P, M không cấu thành tội phạm là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Thị Mỹ D phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 139, điểm b, h, p khoản 1 Điều 46; Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009.

Xử phạt: Bị cáo Trần Thị Mỹ D 01 (*một*) năm tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 02 (*hai*) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND thị trấn Hòa Vinh, huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên giám sát giáo dục trong thời gian thử thách; Gia đình bị cáo Trần Thị Mỹ D có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục đối với bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999 và các Điều 357; khoản 2 Điều 468; Điều 584, Điều 585 và Điều 589 của Bộ luật

Dân sự 2005, buộc bị cáo Trần Thị Mỹ D phải trả cho Công ty tài chính TNHH MTV NH VT số tiền 18.000.000 đồng và số tiền lãi là 1.705.588 đồng. Bị cáo đã nộp khắc phục 4.000.000 đồng nên còn phải tiếp tục trả số tiền 15.705.588 đồng. Bị cáo Trần Thị Mỹ D có quyền yêu cầu những người khác hoàn trả lại cho mình số tiền đã bồi thường cho công ty Công ty tài chính TNHH MTV NH VT khi Cơ quan cảnh sát điều tra làm rõ hành vi của Trương Thị G, Phan Nguyễn Hoàng V hoặc những người khác có liên quan.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, nếu bị cáo Trần Thị Mỹ D chưa thi hành xong khoản tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành xong.

Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 41, Điều 42 của Bộ luật Hình sự 1999 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015

- Giao 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda B, màu đỏ đen, biển số 78F1-nnn.nn, số khung 3659GY0nnnnn, số máy: TA36E0nnnnnn và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 023704 cho ông Trương Minh T. Ông T có trách nhiệm liên hệ với Cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục mang tên chủ sở hữu.

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền thu lợi bất chính 895.000đồng. Tạm giữ số tiền 4.000.000 đồng do Trần Thị Mỹ D nộp để đảm bảo thi hành án (biên lai thu tiền số 0001982 ngày 18/9/2018 của Chi cục THADS thành phố Tuy Hòa).

Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 18/9/2018, giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Tuy Hòa và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa tỉnh Phú Yên.

Về án phí: Căn cứ Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016; Bị cáo Trần Thị Mỹ D phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 785.279 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b; 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn trên được tính kể từ ngày nhận bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND TP. Tuy Hòa;
- Cơ quan CSĐT Công an TP. Tuy Hòa;
- Chi cục THADS TP. Tuy Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Phú Yên;
- Bị cáo; người bị hại
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Thúy Hằng